

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 29

# CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Phương Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần May Phương Đông trước đây là Công ty May Phương Đông, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 16 tháng 11 năm 2004, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần May Phương Đông theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003249 ngày 31 tháng 3 năm 2005 do sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 7 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 36.000.000.000 VND.

### 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thanh	Thành viên
Bà Hoàng Thu Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Học	Thành viên
Ông Vũ Đức Giang	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Trưởng ban
Ông Phan Thanh Sơn	Thành viên
Ông Đinh Phan Quang	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	
Bà Lê Thị Thanh	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 07/07/2014
Bà Hoàng Thu Hà	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07/07/2014
Bà Lê Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07/07/2014
Ông Ngô Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 17/02/2014

### 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

## CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

#### 4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

#### 5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**LÊ THỊ THANH**

Tổng Giám đốc





Số: 15.286/BCKT-DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Phương Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2015 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại mục 5.4 và 5.8 của Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày kết thúc năm tài chính 2014, các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm 2012, 2013, 2014 với số tiền lần lượt là 4.121.154.308 VND, 22.512.324.794 VND, 5.400.000.000 VND đang được hạch toán là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Việc ghi nhận này là chưa phù hợp với quy định của Chuẩn mực và Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam. Nếu các khoản chi phí trên được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh thì chỉ tiêu tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012, 2013 và 2014 sẽ giảm một khoản tương ứng.



**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Phương Đông vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với vấn đề dưới đây, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4.18 trong báo cáo tài chính về khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 10.287.685.927 VND. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐẶNG XUÂN CẢNH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0067-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**NGUYỄN HOÀNG VY THẢO**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1727-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

Địa chỉ: Số 934 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>140.136.593.506</b>	<b>57.524.795.162</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.492.800.849</b>	<b>3.431.777.753</b>
1. Tiền	111	(5.1)	11.492.800.849	3.431.777.753
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	(5.2)	<b>69.970.460.356</b>	<b>27.887.790.061</b>
1. Phải thu khách hàng	131		70.641.184.775	25.407.223.361
2. Trả trước cho người bán	132		73.539.400	2.539.044.836
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		1.136.395.898	1.061.506.180
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.880.659.717)	(1.119.984.316)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	(5.3)	<b>33.095.703.876</b>	<b>11.648.561.024</b>
1. Hàng tồn kho	141		33.095.703.876	11.648.561.024
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.577.628.425</b>	<b>14.556.666.324</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.4)	19.996.711.198	13.781.877.332
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.454.085.358	774.788.992
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		54.331.869	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		72.500.000	-

(Phần tiếp theo ở trang 06)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

Địa chỉ: Số 934 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>85.915.573.157</b>	<b>79.318.468.467</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>62.419.754.047</b>	<b>53.836.268.833</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.5)	56.599.523.327	47.450.269.113
+ Nguyên giá	222		172.164.353.074	154.185.450.956
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.564.829.747)	(106.735.181.843)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.6)	5.820.230.720	5.899.310.720
+ Nguyên giá	228		9.271.496.817	9.271.496.817
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.451.266.097)	(3.372.186.097)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	486.689.000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.480.000.000</b>	<b>7.803.600.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	(5.7)	3.480.000.000	7.803.600.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.015.819.110</b>	<b>17.678.599.634</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.8)	19.970.819.110	17.648.599.634
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		45.000.000	30.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>226.052.166.663</b>	<b>136.843.263.629</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

Địa chỉ: Số 934 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>174.055.061.050</b>	<b>81.694.101.866</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>150.424.279.433</b>	<b>73.195.974.988</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.9)	122.172.856.685	41.669.314.584
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	22.088.146.199	22.126.785.249
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	1.178.726.666	2.733.259.178
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	35.818.319	1.447.810.318
5. Phải trả người lao động	315	(5.12)	1.726.967.454	1.557.772.743
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.13)	2.392.250.997	1.842.807.541
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.14)	829.513.113	1.818.225.375
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>23.630.781.617</b>	<b>8.498.126.878</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		925.961.465	925.961.465
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		792.429.000	783.539.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.15)	21.912.391.152	6.788.626.413
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>51.997.105.613</b>	<b>55.149.161.763</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.16)	<b>51.997.105.613</b>	<b>55.149.161.763</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.080.000.000	1.080.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.560.507.797	10.423.102.638
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.140.373.639	3.071.671.060
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.216.224.177	4.574.388.065
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>226.052.166.663</b>	<b>136.843.263.629</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

Địa chỉ: Số 934 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		388.073,85	111.586,42
+ EUR		445,38	456,06
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ SONG AN

TRẦN BÍCH ĐOÀN THƯ

LÊ THỊ THANH

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

Địa chỉ: Số 934 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

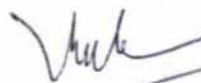
CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		356.495.601.951	189.993.997.215
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		92.080.369	206.391.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	356.403.521.582	189.787.606.015
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	279.255.861.135	140.710.957.836
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77.147.660.447	49.076.648.179
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	140.041.982	2.524.000.646
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	6.493.132.499	7.952.626.456
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		5.954.487.900	7.833.476.084
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	6.471.155.400	8.741.226.611
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	62.592.366.414	27.565.045.927
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.731.048.116	7.341.749.831
11. Thu nhập khác	31		499.115.636	2.479.254.149
12. Chi phí khác	32		113.001.262	1.080.106.291
13. Lợi nhuận khác	40		386.114.374	1.399.147.858
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.117.162.490	8.740.897.689
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	743.110.902	2.613.451.492
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.374.051.588	6.127.446.197
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.16.4)	382	1.702

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN THỊ SONG AN

TRẦN BÍCH ĐOÀN THƯ

LÊ THỊ THANH

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

Địa chỉ: Số 934 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		308.567.092.044	208.218.968.727
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(54.006.057.139)	(36.760.628.721)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(101.155.915.885)	(74.980.051.889)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(5.954.487.900)	(7.174.457.751)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.212.801.007)	(2.020.375.872)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.412.288.577	4.033.753.144
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.498.879.029)	(27.592.769.962)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>125.151.239.661</b>	<b>63.724.437.676</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.467.121.245)	(6.737.020.307)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		255.282.400	82.790.683.347
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.323.600.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		106.250.155	24.038.502
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.781.988.690)</b>	<b>76.077.701.542</b>

*(Phần tiếp theo ở trang 11)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

Địa chỉ: Số 934 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		119.552.870.223	78.052.235.824
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(226.818.034.037)	(212.590.959.050)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.308.396.000)	(3.840.924.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(111.573.559.814)</b>	<b>(138.379.647.226)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>7.795.691.157</b>	<b>1.422.491.992</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>3.431.777.753</b>	<b>1.644.986.958</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		265.331.939	364.298.803
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>11.492.800.849</b>	<b>3.431.777.753</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG




NGUYỄN THỊ SONG AN

TRẦN BÍCH ĐOÀN THƯ



# CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 – DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Phương Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty May Phương Đông, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 16 tháng 11 năm 2004, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần May Phương Đông theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003249 ngày 31 tháng 3 năm 2005 do sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 7 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 36.000.000.000 VND.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán hàng may mặc; sản xuất, mua bán nguyên phụ liệu và sản phẩm ngành dệt may;
- Bán buôn thực phẩm, nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng cho gia đình, máy móc, thiết bị, ô tô, mô tô, xe máy và phụ tùng máy khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

#### 2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là: Chứng từ ghi sổ.

#### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### 4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

### 4.4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

#### ▪ Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

#### ▪ Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.5. Hàng tồn kho

#### ▪ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

#### ▪ Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### ▪ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### ▪ Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và thiếu hụt phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### 4.6. Chi phí trả trước

Chi phí chờ phân bổ bao gồm công cụ, dụng cụ, bao bì, phụ tùng, chi phí chờ kết chuyển, chi phí sửa chữa, thanh lý công ty và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ, phụ tùng xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản và thiết kế, xây dựng xí nghiệp;
- Chi phí chờ kết chuyển.

### 4.7. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	5 – 7 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

### 4.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- Số 4/2 Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
- Lô 1/2D Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
- Lô 1/2G Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
- Lô 1/2N Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

#### **Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích từ 02 – 03 năm.

#### **Bảng sáng chế và thương hiệu**

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

### 4.9. Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.



## CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với điều khoản thuê. Các chi phí trực tiếp liên quan tới quá trình đàm phán và thu xếp các khoản thuê hoạt động được cộng vào giá gốc của tài sản cho thuê và được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng phù hợp với điều khoản thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản lợi ích đã thu hoặc phải thu liên quan tới hợp đồng thuê hoạt động cũng được phân bổ theo đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

### 4.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

*Đối với các khoản đầu tư chứng khoán*

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn*

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

### 4.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Điều lệ Công ty và quyết định của đại hội đồng cổ đông hàng năm.

### 4.12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### 4.13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 4.14. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

*Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

01/11/2013  
CÔNG  
CỔ PHẦN  
MAY  
PHƯƠNG  
ĐÔNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Doanh thu xuất khẩu	0%
+ Doanh thu bán trong nước	10%
+ Các dịch vụ khác	10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 4.15. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Phần tiếp theo ở trang 17)

## CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

### 4.17. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Phân loại lại)	VND Đầu năm (Đã được trình bày trước đây)
Tài sản cố định hữu hình	47.450.269.113	46.911.023.133
+ Nguyên giá	154.185.450.956	153.646.204.976
Tài sản cố định vô hình	5.899.310.720	6.438.556.700
+ Nguyên giá	9.271.496.817	9.810.742.797

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)

	Năm trước (Phân loại lại)	VND Năm trước (Đã được trình bày trước đây)
Giá vốn hàng bán	140.710.957.836	137.525.701.861
Chi phí bán hàng	8.741.226.611	11.066.713.751
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.565.045.927	28.424.814.762

Việc phân loại lại số liệu so sánh là để trình bày phù hợp hơn với bản chất của các khoản mục vì Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc phân loại lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người đọc báo cáo tài chính.

### 4.18. Khả năng hoạt động liên tục

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 10.287.685.927 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2014 không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục ít nhất trong 12 tháng tới.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	630.817.699	275.476.265
Tiền gửi ngân hàng	10.861.983.150	3.156.301.488
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.492.800.849</b>	<b>3.431.777.753</b>

(Phân tiếp theo ở trang 18)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	70.641.184.775	25.407.223.361
Trả trước cho người bán	73.539.400	2.539.044.836
Các khoản phải thu khác	1.136.395.898	1.061.506.180
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>71.851.120.073</b>	<b>29.007.774.377</b>
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.880.659.717)	(1.119.984.316)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>69.970.460.356</b>	<b>27.887.790.061</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi hộ bảo hiểm xã hội	1.045.211.292	929.881.891
Bảo hiểm thất nghiệp	47.258.197	34.253.711
Đối tượng khác	43.926.409	97.370.578
<b>Cộng</b>	<b>1.136.395.898</b>	<b>1.061.506.180</b>

**5.3. Hàng tồn kho**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	8.746.253.091	4.418.771.323
Công cụ, dụng cụ	144.003.997	102.111.177
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.562.718.332	1.835.322.630
Thành phẩm	6.200.062.587	2.619.194.229
Hàng hóa	43.627.233	59.062.230
Hàng gửi bán	1.399.038.636	2.614.099.435
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>33.095.703.876</b>	<b>11.648.561.024</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>33.095.703.876</b>	<b>11.648.561.024</b>

**5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ, bao bì xuất dùng	367.205.238	353.222.623
Chi phí sửa chữa, thanh lý tài sản	202.713.652	553.446.732
Chi phí chờ kết chuyển	1.226.792.308	75.207.977
Chi phí khác	18.200.000.000	12.800.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.996.711.198</b>	<b>13.781.877.332</b>

Chi phí khác là khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2013, 2014 chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	52.953.709.962	85.553.139.308	5.492.966.786	8.864.041.290	1.321.593.610	154.185.450.956
Mua trong năm	-	18.814.185.971	-	361.560.000	-	19.175.745.971
Thanh lý, nhượng bán	-	(579.919.264)	-	(507.077.607)	-	(1.086.996.871)
Giảm khác	-	-	-	(109.846.982)	-	(109.846.982)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>52.953.709.962</b>	<b>103.787.406.015</b>	<b>5.492.966.786</b>	<b>8.608.676.701</b>	<b>1.321.593.610</b>	<b>172.164.353.074</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	30.506.723.953	63.484.184.692	4.504.633.463	6.918.046.125	1.321.593.610	106.735.181.843
Khấu hao trong năm	1.866.562.073	6.906.821.021	494.166.672	758.941.991	-	10.026.491.757
Thanh lý, nhượng bán	-	(579.919.264)	-	(507.077.607)	-	(1.086.996.871)
Giảm khác	-	-	-	(109.846.982)	-	(109.846.982)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>32.373.286.026</b>	<b>69.811.086.449</b>	<b>4.998.800.135</b>	<b>7.060.063.527</b>	<b>1.321.593.610</b>	<b>115.564.829.747</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	22.446.986.009	22.068.954.616	988.333.323	1.945.995.165	-	47.450.269.113
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>20.580.423.936</b>	<b>33.976.319.566</b>	<b>494.166.651</b>	<b>1.548.613.174</b>	<b>-</b>	<b>56.599.523.327</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 76.793.499.183 VND.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp cho các khoản vay là: 14.592.463.917 VND – Xem thêm mục 5.15.

(Phần tiếp theo ở trang 20)

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	5.757.625.720	1.186.549.000	2.314.507.632	12.814.465	9.271.496.817
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.757.625.720</b>	<b>1.186.549.000</b>	<b>2.314.507.632</b>	<b>12.814.465</b>	<b>9.271.496.817</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	-	1.186.549.000	2.172.822.632	12.814.465	3.372.186.097
Khấu hao trong năm	-	-	79.080.000	-	79.080.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.186.549.000</b>	<b>2.251.902.632</b>	<b>12.814.465</b>	<b>3.451.266.097</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	5.757.625.720	-	141.685.000	-	5.899.310.720
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>5.757.625.720</b>	<b>-</b>	<b>62.605.000</b>	<b>-</b>	<b>5.820.230.720</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 3.276.631.097 VND.

(Phần tiếp theo ở trang 21)

Handwritten signature or stamp at the bottom right of the page.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

**5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Là các khoản đầu tư dài hạn khác, được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty CP BĐS Dệt may Việt Nam	348.000	3.480.000.000	348.000	3.480.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	-	-	432.360	4.323.600.000
<b>Cộng</b>	<b>348.000</b>	<b>3.480.000.000</b>	<b>780.360</b>	<b>7.803.600.000</b>

Các khoản đầu tư dài hạn khác thay đổi là do trong năm Công ty bán 432.360 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình Thắng với số tiền là 4.323.600.000 VND.

**5.8. Chi phí trả trước dài hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ dụng cụ, phụ tùng xuất dùng với giá trị lớn	3.963.303.741	1.806.610.962
Chi phí sửa chữa tài sản và thiết kế, xây dựng	2.086.943.756	1.966.761.573
Chi phí chờ kết chuyển	87.092.511	41.747.997
Chi phí khác	13.833.479.102	13.833.479.102
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.970.819.110</b>	<b>17.648.599.634</b>

Chi phí khác là khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012, 2013 chưa ghi nhận vào kết quả kinh doanh.

**5.9. Vay và nợ ngắn hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	120.314.342.348	40.742.138.539
Vay dài hạn đến hạn trả – Xem thêm mục 5.15.	1.858.514.337	927.176.045
<b>Tổng cộng</b>	<b>122.172.856.685</b>	<b>41.669.314.584</b>

Vay ngân hàng là các khoản vay bằng tín chấp và chịu lãi suất từ 6,8 - 7%/năm đối với VND và 3%/năm đối với USD.

**5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	22.088.146.199	22.126.785.249
Người mua trả tiền trước	1.178.726.666	2.733.259.178
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.266.872.865</b>	<b>24.860.044.427</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

**5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.415.358.236
Thuế thu nhập cá nhân	35.818.319	32.452.082
<b>Tổng cộng</b>	<b>35.818.319</b>	<b>1.447.810.318</b>

**5.12. Phải trả người lao động**

Là khoản lương thưởng năm 2014 còn phải trả cho người lao động.

**5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	251.645.814	141.022.814
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	411.996.723	394.452.158
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	-
Cổ tức phải trả	68.876.200	57.272.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.639.732.260	1.250.060.369
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.392.250.997</b>	<b>1.842.807.541</b>

**5.14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.818.225.375	2.040.619.445
Trích lập trong năm	206.107.738	919.116.930
Sử dụng trong năm	(1.194.820.000)	(1.141.511.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>829.513.113</b>	<b>1.818.225.375</b>

**5.15. Vay và nợ dài hạn**

Vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn từ 03 đến 05 năm với lãi suất từ 10% đến 11,5%/năm, có số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 23.770.905.489 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 1.858.514.337 VND – Xem thêm mục 5.9. Các khoản vay được bảo đảm bằng tài sản được hình thành từ tiền vay – Xem thêm mục 5.5.

(Phần tiếp theo ở trang 23)





**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

**5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá trị VND	Tỷ lệ	Giá trị VND
Vốn góp của Nhà nước	25,5%	9.180.000.000	25,5%	9.180.000.000
Vốn góp của Ông Vũ Đức Giang	31,7%	12.350.700.000	31,7%	11.424.100.000
Vốn góp của các đối tượng khác	42,8%	14.469.300.000	42,8%	15.395.900.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>100%</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>36.000.000.000</b>

**5.16.3. Cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
▪ Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra	3.600.000	3.600.000
▪ Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
▪ Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

**5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	1.374.051.588	6.127.446.197
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	3.600.000	3.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>382</b>	<b>1.702</b>

**5.16.5. Phân phối lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	4.574.388.065	6.045.175.728
Lợi nhuận sau thuế trong năm	1.374.051.588	6.127.446.197
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(137.405.159)	(612.744.620)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(68.702.579)	(306.372.310)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(206.107.738)	(919.116.930)
Chia cổ tức	(4.320.000.000)	(5.760.000.000)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>1.216.224.177</b>	<b>4.574.388.065</b>

(Phần tiếp theo ở trang 25)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	328.063.140.883	163.941.146.845
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.432.461.068	26.052.850.370
Hàng bán bị trả lại	(92.080.369)	(206.391.200)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>356.403.521.582</b>	<b>189.787.606.015</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	595.114.312	2.882.270.436
Giá vốn của thành phẩm đã bán	270.529.111.191	130.299.676.120
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.131.635.632	7.529.011.280
<b>Tổng cộng</b>	<b>279.255.861.135</b>	<b>140.710.957.836</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.250.155	24.038.502
Cổ tức, lợi nhuận được chia	87.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	33.791.827	344.548.173
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	127.338.899
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.028.075.072
<b>Tổng cộng</b>	<b>140.041.982</b>	<b>2.524.000.646</b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.954.487.900	7.833.476.084
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	280.381.550	119.150.372
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	258.263.049	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.493.132.499</b>	<b>7.952.626.456</b>

(Phần tiếp theo ở trang 26)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

**6.5. Chi phí bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	13.380.667	3.644.545
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	17.455.163	19.329.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.327.187.791	4.978.960.717
Chi phí bằng tiền khác	2.113.131.779	3.739.292.339
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.471.155.400</b>	<b>8.741.226.611</b>

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	41.052.682.581	11.027.963.556
Chi phí vật liệu quản lý	61.742.203	66.449.151
Chi phí đồ dùng văn phòng	940.564.758	504.465.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.471.104.412	1.538.429.725
Thuế, phí và lệ phí	921.878.914	1.290.133.170
Chi phí dự phòng	760.675.401	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.102.299.125	7.907.604.193
Chi phí bằng tiền khác	6.281.419.020	5.230.000.893
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.592.366.414</b>	<b>27.565.045.927</b>

**6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	2.117.162.490	8.740.897.689
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.347.614.336	1.712.908.280
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(87.000.000)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	3.377.776.826	10.453.805.969
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>743.110.902</b>	<b>2.613.451.492</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

**6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	178.199.611.310	52.724.505.194
Chi phí nhân công	143.275.020.815	82.220.125.992
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.105.571.757	6.875.451.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.689.865.966	16.035.897.704
Chi phí bằng tiền khác	9.076.759.300	10.161.807.290
<b>Tổng cộng</b>	<b>359.346.829.148</b>	<b>168.017.787.515</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

### 7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các cá nhân được xem là các bên có liên quan với Công ty gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc
- Thủ lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thủ lao Hội đồng quản trị	480.000.000	480.000.000
Lương Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác	1.678.145.076	1.714.370.104
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.158.145.076</b>	<b>2.194.370.104</b>

### 8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất để làm văn phòng, cửa hàng, xưởng may và kho chứa theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê đất có kỳ hạn là 15 năm và 38 năm với tiền thuê đất theo thông báo hàng năm.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	810.375.467	772.796.825

### 9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.15.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.492.800.849	3.431.777.753
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.760.525.058	24.287.239.045
Đầu tư dài hạn khác	3.480.000.000	7.803.600.000
Tài sản tài chính khác	45.000.000	30.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.778.325.907</b>	<b>35.552.616.798</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	144.085.247.837	48.457.940.997
Phải trả người bán và phải trả khác	24.573.689.510	24.277.850.858
Công nợ tài chính khác	451.706.000	452.706.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>169.110.643.347</b>	<b>73.188.497.855</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác

## CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### ▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### ▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài Sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	5.074.676,20	470.246,55	3.126.014,78	372.112,02
Euro (EUR)	864,89	-	445,38	456,06

### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

### Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

### ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

(Phần tiếp theo ở trang 29)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG**

Địa chỉ: Số 934, Đường Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
<b>31/12/2014</b>			
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	23.287.005.045	1.286.684.465	24.573.689.510
Các khoản vay	122.172.856.685	21.912.391.152	144.085.247.837
Công nợ tài chính khác	20.000.000	431.706.000	451.706.000
<b>01/01/2014</b>			
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	23.021.056.393	1.256.794.465	24.277.850.858
Các khoản vay	41.669.314.584	6.788.626.413	48.457.940.997
Công nợ tài chính khác	-	452.706.000	452.706.000

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
<b>31/12/2014</b>			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.760.525.058	-	68.760.525.058
Đầu tư dài hạn khác	-	3.480.000.000	3.480.000.000
Tài sản tài chính khác	-	45.000.000	45.000.000
<b>01/01/2014</b>			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.287.239.045	-	24.287.239.045
Đầu tư dài hạn khác	4.323.600.000	3.480.000.000	7.803.600.000
Tài sản tài chính khác	-	30.000.000	30.000.000

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

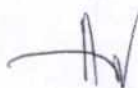

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 03 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN THỊ SONG AN

TRẦN BÍCH ĐOÀN THƯ

LÊ THỊ THANH